

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 21 tháng 01 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện “Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 - 2025” năm 2022**

Căn cứ Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện - nguồn nhân lực - khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện - nguồn nhân lực - khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho người lao động tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025”; Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 2022; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho người lao động trên địa bàn tỉnh năm 2022 như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích:**

- Thực hiện hiệu quả mục tiêu Đề án “Đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện - nguồn nhân lực - khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025” năm 2022, đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu của thị trường lao động.

- Triển khai đào tạo nghề cho người lao động, trong đó ưu tiên nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các đối tượng là lao động nông thôn, lao động bị thôi việc, mất việc do ảnh hưởng của dịch Covid-19, lao động bị mất việc làm tại vùng biên giới, lao động di cư tự do, lao động là người khuyết tật, người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người có công với cách mạng, thanh niên, người chấp hành xong hình phạt tù... để chủ động tham gia thị trường lao động, ổn định sinh kế; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Huy động sự tham gia của hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện Đề án.

##### **2. Yêu cầu:**

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của đất nước.

- Đào tạo nghề cho người lao động phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động, yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt quan tâm đến chất lượng giải quyết việc làm sau đào tạo nghề.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải đảm bảo về cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị, chương trình giáo trình, gắn với mô hình sản xuất tiên bộ, lấy thực hành là chính, giúp cho người học tiếp cận và làm theo những mô hình, điểm trình diễn đã có; đội ngũ giảng viên có năng lực và trình độ, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, có kinh nghiệm trong sản xuất và có khả năng thực hành tốt.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Hỗ trợ đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố căn bản của giáo dục nghề nghiệp; các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và trên phạm vi cả nước; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng các ngành nghề công nghiệp - xây dựng và lĩnh vực du lịch, dịch vụ thương mại và trong nội bộ từng ngành.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Năm 2022, tập trung chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo mới, bồi dưỡng lại cho 11.240 người trong đó:

- + Trình độ cao đẳng, trung cấp: 3.850 người.
- + Sơ cấp và dưới 3 tháng: 7.390 người.

*(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)*

- Ngành nghề đào tạo: Tập trung đào tạo các nghề thuộc các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm của tỉnh như:

+ Lĩnh vực du lịch và dịch vụ: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ; Nghiệp vụ nhà hàng và khách sạn; Quản lý du lịch; Hướng dẫn du lịch; Pha chế đồ uống; Chế biến món ăn; Chế biến bánh; Nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar; Kỹ năng du lịch cộng đồng; Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp; Nghiệp vụ Spa-massage; Kỹ thuật Nail-Uốn mi, nối mi; Anh, Tiếng Nhật, Tiếng Trung Quốc; Y - dược; Điều dưỡng;...

- Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng: Công nghệ ô tô; Điện công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật Gò hàn; Cốt thép hàn; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Vận hành nhà máy thủy điện;...

- Lĩnh vực nông nghiệp: Tập trung đào tạo nghề cho các ngành hàng nông nghiệp chủ lực, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm theo hướng an toàn, hữu cơ, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn; sản xuất theo chuỗi; sản xuất tuần hoàn; kinh doanh nông nghiệp và một số

nghề mới như: Giám đốc Hợp tác xã; ứng dụng cơ giới hóa; ngành nghề nông thôn và OCOP...

- Đảm bảo 100% người học sau đào tạo được tư vấn, giới thiệu việc làm, trong đó có trên 80% lao động có việc làm.

### **III. NỘI DUNG**

#### **1. Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo:**

a) Nội dung: Thực hiện hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho 07 nghề trọng điểm của Trường Cao đẳng Lào Cai và từ 02-03 ngành/nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ - du lịch cho các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

b) Dự kiến cơ sở được hỗ trợ: Trường Cao đẳng Lào Cai, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX thành phố Lào Cai, Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương,...

c) Đơn vị thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Lao động – TBXH, Trường Cao đẳng Lào Cai.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

#### **2. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao cho đội ngũ nhà giáo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh:**

a) Nội dung: Tổ chức lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ lãnh đạo, nhà giáo các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

b) Số lượng: Dự kiến số người tham dự từ 25 - 30 người.

c) Địa điểm mở lớp: Tại thành phố Lào Cai.

d) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động – TBXH tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra dự kiến 50-70 lượt nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở đào tạo khác triển khai thực hiện (bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học nâng cao, kỹ năng nghề,...).

#### **3. Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo; Kiểm định chất lượng; Chuyển đổi số:**

a) Nội dung:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát, xây dựng, biên soạn mới; cập nhật, sửa đổi, bổ sung, số hóa các chương trình, giáo trình và tài liệu giảng dạy, học tập để cung cấp tư liệu học tập cho người học. Ứng dụng thiết bị internet, truyền hình, video Clip trong công tác giảng dạy và thực hành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động, các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp để tạo sự kết nối, chia sẻ thông tin giữa các bên.

- Trường Cao đẳng Lào Cai biên soạn mới, chỉnh sửa cho khoảng 200 giáo trình cho các môn học, modun trong chương trình đào tạo các ngành/nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp được cấp phép đào tạo; tiếp tục xây dựng quy trình đảm bảo chất lượng mới, ngân hàng đề thi, chuyển đổi số...

b) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động – TBXH tỉnh Lào Cai, Trường Cao đẳng Lào Cai và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp.

#### **4. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp giáo dục nghề nghiệp:**

##### **a) Nội dung:**

- Tổ chức 01 Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh cho khoảng 80 - 100 người.

- Tổ chức trên 18 cuộc tuyên truyền, đối thoại, chính sách GDNN - Lao động việc làm, khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh Lào Cai cho khoảng 5.000 người.

- Tổ chức 02 Hội nghị tổ chức tập huấn phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho khoảng 170 người lao động, lao động nông thôn, cán bộ Hội nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Ngoài ra các Trường, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thực hiện công tác truyền thông theo kế hoạch của đơn vị tự xây dựng.

b) Đơn vị thực hiện : Sở Lao động – TBXH tỉnh Lào Cai, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **5. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động:**

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, trong đó tập trung đào tạo nghề phi nông nghiệp trong lĩnh vực: xây dựng, dịch vụ - du lịch, thương mại, công nghiệp,... cho người lao động đủ trình độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và chuyển nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho một bộ phận lao động nông thôn để thực hành sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

##### **5.1. Trình độ Cao đẳng, Trung cấp:**

##### **a) Nội dung:**

- Thực hiện hỗ trợ cho người học theo các chính sách quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/8/2021 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Vay vốn tín dụng,...

- Hỗ trợ tổ chức thực hành, thực tập cho học sinh sinh viên thuộc 07 ngành/ngành trọng điểm của Trường Cao đẳng Lào Cai để đào tạo nguồn lực đào tạo nhân lực chất lượng cao.

b) Số lượng: Dự kiến tổng số học sinh, sinh viên được hỗ trợ là trên 4.500 lượt người (trong đó số HSSV tuyển sinh mới khoảng 1.900 người và HSSV chuyển tiếp khoảng 2.600 người).

c) Ngành nghề đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ; Nghiệp vụ nhà hàng và khách sạn; Hướng dẫn du lịch; Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp; Nghiệp vụ chế biến món ăn; Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Tiếng Trung Quốc; Y – dược; Điều dưỡng; Công nghệ ô tô; điện công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật Gò hàn; Cốt thép hàn; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Vận hành nhà máy thủy điện; Nông lâm nghiệp ;....

d) Đơn vị thực hiện: Trường Cao đẳng Lào Cai, Phòng Lao động – TBXH các huyện, thị xã, thành phố.

## **5.2. Trình độ Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng:**

a) Nội dung:

- Thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 phê duyệt đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Các đơn vị được giao nguồn ngân sách thực hiện, triển khai xây dựng phương thức đặt hàng đào tạo nghề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐCP ngày 10/4/2019 Nghị định Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

b) Số lượng: Dự kiến mở 150 lớp với tổng số học viên được hỗ trợ là 5.110 người.

c) Ngành nghề đào tạo: Nghiệp vụ nhà hàng và khách sạn; Hướng dẫn du lịch; pha chế đồ uống; Chế biến món ăn; Chế biến bánh; Nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar; Kỹ năng du lịch cộng đồng; Nghiệp vụ Spa-massage; Kỹ thuật Nail-Uốn mi, nối mi; Thêu may thổ cẩm; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật Gò hàn; Sửa chữa xe gắn máy; các nghề thuộc nhóm ngành nông lâm thủy sản,...

d) Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động – TBXH, Sở Nông nghiệp và Phát triển; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

## **6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá:**

a) Nội dung:

Triển khai công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua đó phát hiện và xử lý kịp thời những thiếu sót, sai phạm trong quá trình triển khai, thực hiện.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - TBXH tỉnh Lào Cai.

## **7. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022:**

**7.1. Tổng nhu cầu:** 186,8 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 75,7 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 73,1 tỷ đồng.
- Nguồn xã hội hóa: 38 tỷ đồng.

**7.2. Nguồn kinh phí thực hiện:** từ nguồn ngân sách Trung ương, địa phương và huy động từ các nguồn lực khác để thực hiện các nội dung trên. Sau khi được phân bổ nguồn ngân sách cấp năm 2022, các đơn vị được giao chủ trì thực hiện xây dựng dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện.

*(Có biểu chi tiết số 02, 03 kèm theo)*

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn; tiếp tục rà soát, sắp xếp, nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức mở lớp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, triển khai các hoạt động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo nghề, tổ chức tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp cho lao động theo Kế hoạch.

- Tổ chức ký hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giao chỉ tiêu; lựa chọn, ký hợp đồng với các trường để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn và công tác giải quyết việc làm cho lao động qua đào tạo nghề tại các địa phương.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp kết quả thực hiện đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

##### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Tổ chức ký hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giao chỉ tiêu đào tạo theo Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại các địa phương; giám sát việc hướng dẫn tạo việc làm thuộc lĩnh vực nông nghiệp cho lao động qua đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp kết quả đào tạo nghề nông nghiệp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản; vận động các nguồn hỗ trợ hợp

pháp, lồng ghép cân đối các nguồn vốn khác để thực hiện Kế hoạch triển khai các mục tiêu Đề án trong năm 2022.

#### **4. Sở Tài chính:**

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch phù hợp với khả năng ngân sách.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch đề án.

#### **5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho người lao động theo quy định và chịu trách nhiệm về thực hiện chỉ tiêu được giao.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; thực hiện việc kiểm tra, xác nhận danh sách học viên học nghề đảm bảo đúng đối tượng; thực hiện tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn. Đặt hàng đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực. Tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn theo quy định.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn.

- Thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động theo quy định.

- Đảm bảo các điều kiện về biên chế cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc để thực hiện đào tạo nghề theo kế hoạch.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn:

- + Tổ chức phổ biến các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các thông tin về đào tạo nghề, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc sau khi học.

- + Thống kê số lao động có nhu cầu thực tế cần học nghề trên địa bàn; nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn, đồng thời lập danh sách theo dõi, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm sau khi học nghề trên địa bàn, báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- + Kiểm tra, xác nhận vào đơn xin học nghề của người lao động nông thôn trên địa bàn về đối tượng theo quy định và các điều kiện để làm việc theo nghề đăng ký học.

+ Tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng tại địa phương; giúp người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc giải quyết việc làm sau học nghề.

+ Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn với UBND huyện, thị xã, thành phố.

#### **6. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:**

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm triển khai các hoạt động cụ thể về đào tạo nghề cho người lao động theo kế hoạch đã được phê duyệt và theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với UBND cấp xã, các đoàn thể, các doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức tuyên truyền, tư vấn, tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động bảo đảm đúng đối tượng theo quy định; tổ chức hướng dẫn tạo việc làm, giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm cho lao động sau khi học nghề; theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động do cơ sở đào tạo sau học nghề.

- Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên và các điều kiện để tổ chức hỗ trợ đào tạo, thực hiện quy trình đào tạo theo quy định.

- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, không để thất thoát; tập hợp, lưu trữ và quản lý chứng từ thanh quyết toán theo chế độ kế toán hiện hành; chịu trách nhiệm và tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo; xây dựng cơ chế để người học và người sử dụng lao động tham gia chủ động vào đánh giá chất lượng đào tạo. Hình thành mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp. Chú trọng phát triển tinh thần khởi nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 – 2025” năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ; yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- TT, TU, UBND tỉnh;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ LĐTBXH);
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các sở: Lao động - TBXH, Kế hoạch & ĐT, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trường Cao đẳng Lào Cai ;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh ;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP2;
- Lưu : VT, NLN1, VX3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Giàng Thị Dung**



**KẾ HOẠCH CHI TIẾT TUYỂN MỚI, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
NĂM 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

| TT        | Chỉ tiêu lao động qua đào tạo     | Mục tiêu<br>GD 2021-2025 | Mục tiêu năm<br>2022 | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số đào tạo, bồi dưỡng</b> | <b>58.000</b>            | <b>11.240</b>        |         |
| 1         | Cao đẳng                          | 6.450                    | 1.150                |         |
| 2         | Trung cấp                         | 16.570                   | 2.700                |         |
| 3         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 34.980                   | 7.390                |         |
| <b>II</b> | <b>Chia theo từng huyện</b>       | <b>58.000</b>            | <b>11.240</b>        |         |
| <b>1</b>  | <b>UBND thành phố Lào Cai</b>     | <b>11.345</b>            | <b>2.185</b>         |         |
| -         | Cao đẳng                          | 1.270                    | 235                  |         |
| -         | Trung cấp                         | 3.740                    | 635                  |         |
| -         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 6.335                    | 1.315                |         |
| <b>2</b>  | <b>UBND huyện Bát Xát</b>         | <b>8.412</b>             | <b>1.845</b>         |         |
| +         | Cao đẳng                          | 955                      | 175                  |         |
| +         | Trung cấp                         | 2.770                    | 480                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 4.687                    | 1.190                |         |
| <b>3</b>  | <b>UBND huyện Bảo Thắng</b>       | <b>7.472</b>             | <b>1.445</b>         |         |
| +         | Cao đẳng                          | 945                      | 170                  |         |
| +         | Trung cấp                         | 2.705                    | 475                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 3.822                    | 800                  |         |
| <b>4</b>  | <b>UBND huyện Bảo Yên</b>         | <b>6.128</b>             | <b>1.155</b>         |         |
| +         | Cao đẳng                          | 680                      | 120                  |         |
| +         | Trung cấp                         | 1.835                    | 300                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 3.613                    | 735                  |         |
| <b>5</b>  | <b>UBND huyện Văn Bàn</b>         | <b>6.154</b>             | <b>1.165</b>         |         |
| +         | Cao đẳng                          | 670                      | 120                  |         |
| +         | Trung cấp                         | 1.325                    | 205                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 4.159                    | 840                  |         |
| <b>6</b>  | <b>UBND Thị xã Sa Pa</b>          | <b>5.608</b>             | <b>1.050</b>         |         |
| +         | Cao đẳng                          | 670                      | 120                  |         |
| +         | Trung cấp                         | 1.330                    | 200                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 3.608                    | 730                  |         |
| <b>7</b>  | <b>UBND huyện Bắc Hà</b>          | <b>4.856</b>             | <b>915</b>           |         |
| +         | Cao đẳng                          | 420                      | 70                   |         |
| +         | Trung cấp                         | 985                      | 145                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 3.451                    | 700                  |         |
| <b>8</b>  | <b>UBND huyện SiMaCai</b>         | <b>3.755</b>             | <b>685</b>           |         |
| +         | Cao đẳng                          | 420                      | 70                   |         |
| +         | Trung cấp                         | 870                      | 115                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 2.465                    | 500                  |         |
| <b>9</b>  | <b>UBND huyện Mường Khương</b>    | <b>4.269</b>             | <b>795</b>           |         |
| +         | Cao đẳng                          | 420                      | 70                   |         |
| +         | Trung cấp                         | 1.010                    | 145                  |         |
| +         | Sơ cấp và đào tạo thường xuyên    | 2.839                    | 580                  |         |

**NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "NÂNG CAO  
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH LÀO CAI, GIAI  
ĐOẠN 2021 - 2025" NĂM 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Lào Cai)*

*ĐVT: Tỷ đồng*

| TT        | Nội dung                                                                           | Tổng nhu<br>cầu vốn<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Năm 2022     | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | <b>Tổng số</b>                                                                     | <b>873.5</b>                                    | <b>186.8</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>I</b>  | <b>Đào tạo nguồn nhân lực<br/>chất lượng cao</b>                                   | <b>175.0</b>                                    | <b>45</b>    | Nhu cầu<br>vốn năm<br>2022 đã<br>được phê<br>duyet tại<br>Đề án số 06-<br>ĐA/TU<br>ngày<br>11/12/2020<br>của Tỉnh ủy<br>Lào Cai;<br>Quyết định<br>số<br>1181/QĐ-<br>UBND<br>ngày<br>13/4/2021<br>của UBND<br>tỉnh phê<br>duyet Đề<br>án "Nâng<br>cao chất<br>lượng giáo<br>dục nghề<br>nghiệp cho<br>người lao<br>động tỉnh<br>Lào Cai,<br>giai đoạn<br>2021 -<br>2025 |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|           | <i>Ngân sách TW</i>                                                                | <i>45.0</i>                                     | <i>10</i>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|           | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                        | <i>65.0</i>                                     | <i>20</i>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đã được giao trong chi thường<br>xuyên tại Quyết định số 4399/QĐ-<br>UBND ngày 10/12/2021 của Sở<br>Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo,<br>Trường Cao đẳng Lào Cai,...                                                                                        |
|           | <i>Nguồn khác</i>                                                                  | <i>65.0</i>                                     | <i>15</i>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>II</b> | <b>Đầu tư nâng cao năng lực<br/>đào tạo của các cơ sở giáo<br/>dục nghề nghiệp</b> | <b>293.5</b>                                    | <b>66.8</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1         | Đầu tư xây dựng cơ bản<br>(Công lập)                                               | <i>135.0</i>                                    | <i>35.0</i>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
|           | <i>Ngân sách TW</i>                                                                | <i>35.0</i>                                     | <i>10.0</i>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đã được giao 10 tỷ tại Quyết định<br>số 4399/QĐ-UBND ngày<br>10/12/2021 (Sở GTVT - XD làm<br>chủ đầu tư hạng mục nhà lớp học<br>kết hợp văn phòng làm việc khoa<br>Văn hóa - Nghệ thuật, nhà ký túc<br>xá và hạ tầng kỹ thuật Trường Cao<br>đẳng Lào Cai) |
|           | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                        | <i>100.0</i>                                    | <i>25.0</i>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2         | Mua sắm thiết bị (Công lập)                                                        | <i>154.5</i>                                    | <i>31.0</i>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT  | Nội dung                                                                                | Tổng nhu<br>cầu vốn<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Năm 2022   | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <i>Ngân sách TW</i>                                                                     | 79.5                                            | 16.0       | Nhu cầu<br>vốn năm<br>2022 đã<br>được phê<br>duyet tại<br>Đề án số 06-<br>ĐA/TU<br>ngày<br>11/12/2020<br>của Tỉnh ủy<br>Lào Cai;<br>Quyết định<br>số<br>1181/QĐ-<br>UBND<br>ngày<br>13/4/2021<br>của UBND<br>tỉnh phê<br>duyet Đề<br>án "Nâng<br>cao chất<br>lượng giáo<br>dục nghề<br>nghiệp cho<br>người lao<br>động tỉnh<br>Lào Cai,<br>giai đoạn<br>2021 -<br>2025 | Đã được giao 08 tỷ từ NSTW tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMT GDNN-Việc làm và ATLĐ (thực hiện trong năm 2022 cho các nghề trọng điểm) |
|     | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                             | 75.0                                            | 15.0       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Trường Cao đẳng Lào Cai đang dự toán trong nguồn kinh phí chi thường xuyên giao về cho Nhà trường 17 tỷ thực hiện mua sắm trang thiết bị đào tạo các nghề.                                                                                          |
| 3   | Đào tạo bồi dưỡng giáo viên                                                             | 1.5                                             | 0.3        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đã được giao trong chi thường xuyên tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Sở Lao động - TBXH và trường Cao đẳng Lào Cai                                                                                                                |
|     | <i>Ngân sách TW</i>                                                                     | 1.0                                             | 0.2        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                             | 0.5                                             | 0.1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4   | Xây dựng chương trình, giáo trình; Kiểm định chất lượng và ứng dụng công nghệ thông tin | 2.5                                             | 0.5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đã được giao trong chi thường xuyên tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Sở Lao động - TBXH và Trường Cao đẳng Lào Cai                                                                                                                |
|     | <i>Ngân sách TW</i>                                                                     | 2.5                                             | 0.5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                             | 0.0                                             |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| III | <b>Đầu tư nguồn lực đào tạo nhân lực chất lượng cao cho trường Cao đẳng Lào Cai</b>     | <b>48.5</b>                                     | <b>9.7</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đã được giao 10 tỷ từ NSDP tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 cho Trường CDLC                                                                                                                                                           |
| 1   | Bổ sung tài liệu, chương trình, giáo trình                                              | 35.0                                            | 7.0        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2   | Vật liệu thực hành, thực tập hàng ngày                                                  | 12.0                                            | 2.4        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3   | Tổ chức thực hành, thực tập                                                             | 1.5                                             | 0.3        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT | Nội dung                                                                                                     | Tổng nhu<br>cầu vốn<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Năm 2022    | Ghi chú                                                                                                                                                   |                                                                                                                                      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| IV | <b>Đẩy mạnh công tác giám sát, đánh giá, nâng cao tuyên truyền tư vấn và giải quyết việc làm sau đào tạo</b> | <b>6.5</b>                                      | <b>1.3</b>  |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
|    | <i>Ngân sách TW</i>                                                                                          | <i>5.0</i>                                      | <i>1.0</i>  | Nhu cầu vốn năm 2022 đã được phê duyệt tại Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai; Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh |                                                                                                                                      |
|    | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                                                  | <i>1.5</i>                                      | <i>0.3</i>  |                                                                                                                                                           | Đã được giao trong chi thường xuyên tại Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Sở Lao động - TBXH và Trường Cao đẳng Lào Cai |
| V  | <b>Kinh phí đào tạo</b>                                                                                      | <b>350.0</b>                                    | <b>64.0</b> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
| a  | Lao động nông thôn                                                                                           | <i>225.0</i>                                    | <i>41.0</i> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
|    | - Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng                                                                             | <i>80.0</i>                                     | <i>16.0</i> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
|    | <i>Ngân sách TW</i>                                                                                          | <i>65.0</i>                                     | <i>13.0</i> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
|    | <i>Ngân sách địa phương</i>                                                                                  | <i>15</i>                                       | <i>3.0</i>  |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
|    | - Trung cấp                                                                                                  | <i>85.0</i>                                     | <i>15.0</i> |                                                                                                                                                           | Thực hiện chính sách cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ             |
|    | - Cao đẳng                                                                                                   | <i>60.0</i>                                     | <i>10.0</i> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
| b  | Lao động khác (người học đóng góp)                                                                           | <i>125.0</i>                                    | <i>23.0</i> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |

**NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "NÂNG CAO  
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH LÀO CAI, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025" NĂM 2022**  
(Chia theo nguồn vốn)

(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày        tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

ĐVT: Tỷ đồng

| TT        | Danh mục dự án                                                                          | Tổng số      | Vốn ngân sách |                 |                    |             |                         |            |                             |            | Vốn đầu tư của các DN |                    | Vốn nhân dân đóng góp | Vốn khác   | Ghi chú    |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------------|-------------|-------------------------|------------|-----------------------------|------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|------------|------------|
|           |                                                                                         |              | Tổng số       | Vốn đầu tư NSDP | Vốn Sự nghiệp NSDP | Vốn CTM TQG | NSTW hỗ trợ có mục tiêu | Vốn ODA    | Vốn đầu tư qua Bộ, ngành TW | Vốn TPCP   | Vốn tự có của DN      | Vốn vay (tín dụng) |                       |            |            |
| (A)       | (B)                                                                                     | (1)          | (2)           | (3)             | (4)                | (5)         | (6)                     | (7)        | (8)                         | (9)        | (10)                  | (11)               | (12)                  | (13)       | (14)       |
|           | <b>TỔNG</b>                                                                             | <b>186.8</b> | <b>148.8</b>  | <b>25.0</b>     | <b>48.1</b>        | <b>16.2</b> | <b>59.5</b>             | <b>0.0</b> | <b>0.0</b>                  | <b>0.0</b> | <b>0.0</b>            | <b>0.0</b>         | <b>38.0</b>           | <b>0.0</b> | <b>0.0</b> |
| <b>I</b>  | <b>Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao</b>                                            | <b>45.0</b>  | <b>30.0</b>   |                 | <b>20.0</b>        |             | <b>10.0</b>             |            |                             |            |                       |                    | <b>15.0</b>           |            |            |
| <b>II</b> | <b>Đầu tư nâng cao năng lực đào tạo</b>                                                 | <b>66.8</b>  | <b>66.8</b>   | <b>25.0</b>     | <b>15.1</b>        | <b>2.2</b>  | <b>24.5</b>             | -          | -                           | -          | -                     | -                  | -                     | -          |            |
| 1         | Đầu tư xây dựng cơ bản (Công lập)                                                       | <b>35.0</b>  | <b>35.0</b>   | 25.0            |                    |             | 10.0                    |            |                             |            |                       |                    |                       |            |            |
| 2         | Mua sắm thiết bị (Công lập)                                                             | <b>31.0</b>  | <b>31.0</b>   |                 | 15.0               | 2.0         | 14.0                    |            |                             |            |                       |                    |                       |            |            |
| 3         | Đào tạo bồi dưỡng giáo viên                                                             | <b>0.3</b>   | <b>0.3</b>    |                 | 0.1                | 0.2         |                         |            |                             |            |                       |                    |                       |            |            |
| 4         | Xây dựng chương trình, giáo trình; Kiểm định chất lượng và ứng dụng công nghệ thông tin | <b>0.5</b>   | <b>0.5</b>    |                 |                    |             | 0.5                     |            |                             |            |                       |                    |                       |            |            |

| TT  | Danh mục dự án                                                                                        | Tổng số | Vốn ngân sách |                 |                    |             |                         |         |                             |          | Vốn đầu tư của các DN |                    | Vốn nhân dân đóng góp | Vốn khác | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|-----------------|--------------------|-------------|-------------------------|---------|-----------------------------|----------|-----------------------|--------------------|-----------------------|----------|---------|
|     |                                                                                                       |         | Tổng số       | Vốn đầu tư NSDP | Vốn Sự nghiệp NSDP | Vốn CTM TQG | NSTW hỗ trợ có mục tiêu | Vốn ODA | Vốn đầu tư qua Bộ, ngành TW | Vốn TPCP | Vốn tự có của DN      | Vốn vay (tín dụng) |                       |          |         |
| III | Đầu tư nguồn lực đào tạo nhân lực chất lượng cao cho trường Cao đẳng Lào Cai                          | 9.7     | 9.7           | -               | 9.7                | -           | -                       | -       | -                           | -        | -                     | -                  | -                     | -        | -       |
| 1   | Bổ sung tài liệu, chương trình, giáo trình                                                            | 7.0     | 7.0           |                 | 7.0                |             |                         |         |                             |          |                       |                    |                       |          |         |
| 2   | Vật liệu thực hành, thực tập hàng ngày                                                                | 2.4     | 2.4           |                 | 2.4                |             |                         |         |                             |          |                       |                    |                       |          |         |
| 3   | Tổ chức thực hành, thực tập                                                                           | 0.3     | 0.3           |                 | 0.3                |             |                         |         |                             |          |                       |                    |                       |          |         |
| IV  | Đẩy mạnh công tác giám sát, đánh giá, nâng cao tuyên truyền tư vấn và giải quyết việc làm sau đào tạo | 1.3     | 1.3           |                 | 0.3                | 1.0         |                         |         |                             |          |                       |                    |                       |          |         |
| V   | Kinh phí đào tạo                                                                                      | 64.0    | 41.0          |                 | 3.0                | 13.0        | 25.0                    |         |                             |          |                       |                    | 23.0                  |          |         |